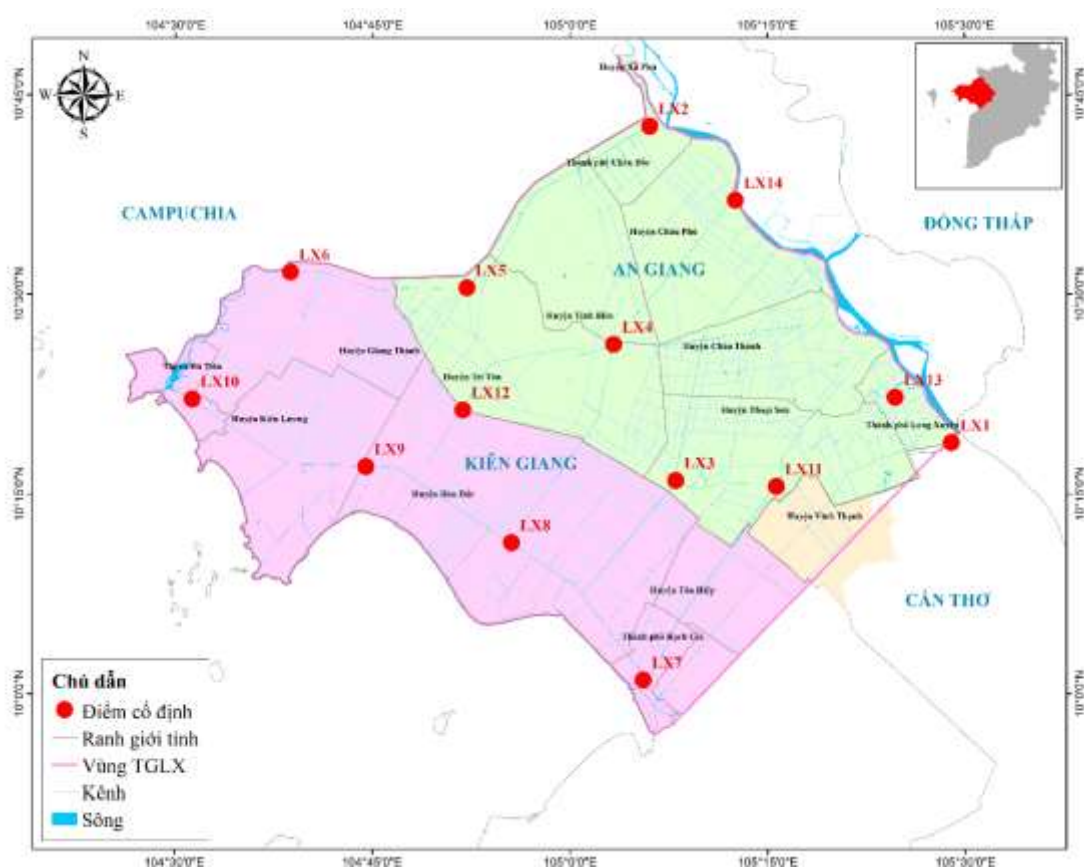


BẢN TIN TUẦN KỲ 7

“Đợt đo ngày 29/03/2025, dự báo từ ngày 09/04÷15/04/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 29/03/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 29/03/2025)

Bảng 1: Kết quả đo đặc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l		mgO ₂ /l		mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	7,73	0,1	KPH	6,13	8,2	16,2	0,67	0,20	5400	74	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	7,94	0,1	6,83	6,64	7,8	15,4	0,63	0,13	7200	70	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	7,63	0,1	12,40	6,02	14,5	24,5	2,00	0,15	3300	73	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung (LX4)	7,83	0,1	55,19	6,61	16,4	26,4	3,40	0,24	13000	36	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	7,63	0,1	6,27	6,55	8,4	17,2	0,64	0,10	8400	63	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	7,81	0,2	7,58	7,10	6,1	12,1	0,36	0,11	790	92	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Rất Tốt ”, sử dụng

*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 29/03/2025)*

												tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	7,52	0,1	10,42	6,35	7,4	15,0	1,02	0,15	1100	86	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	7,31	0,1	46,10	6,18	8,3	16,7	0,50	0,17	810	83	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	7,21	0,3	33,75	6,30	12,7	20,4	0,99	0,15	6400	67	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)	7,97	20,8	19,88	7,10	13,4	23,4	1,53	0,13	7200	65	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	7,65	0,1	64,15	5,76	12,4	21,7	1,37	0,25	4100	72	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	7,61	0,1	73,00	6,02	16,4	27,5	3,22	0,24	12000	34	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	7,84	0,1	28,64	6,73	7,2	14,8	0,68	0,22	950	88	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 29/03/2025)

14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	7,83	0,1	16,50	6,12	16,7	30,2	3,58	0,45	21000	33	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
----	--	------	-----	-------	------	------	------	------	------	-------	----	---

Nhận xét chung: Qua đợt quan trắc ngày 29/03/2025 cho thấy: Các thông số môi trường nước như pH, TSS, DO, tổng Nitơ, tổng Phosphor tại hầu hết các trạm giám sát trong hệ thống CTTL TGLX đều đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT.

- Chỉ tiêu BOD₅, COD tại hầu hết các trạm tiếp tục không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực này vẫn đang bị ô nhiễm hữu cơ khá cao, điều này có thể gây ra sự giảm nồng độ Oxy, ảnh hưởng đến sự sống của các sinh vật thủy sinh và toàn bộ hệ sinh thái thủy sinh, suy giảm khả năng tự làm sạch của thủy vực.

- Các điểm **LX4**, **LX12** và **LX14** có giá trị WQI giảm mạnh ở mức “**Kém**” là do hai điểm này có một số chỉ tiêu không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT như các chỉ tiêu BOD₅, COD, tổng Nitơ và Coliform. Đây là các trạm nằm ở khu vực gần chợ, dân cư tập trung đông đúc, hoạt động giao thông thủy thường xuyên, nguồn nước thải sinh hoạt đổ trực tiếp ra kênh rạch chính là nguyên nhân làm tăng hàm lượng các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trong nước. Tại các trạm ghi nhận hàm lượng Coliform cao không sử dụng nguồn nước này để tưới các loại rau ăn lá.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là giá trị vượt ngưỡng cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 09/04÷15/04/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nitơ (TN) từ ngày 09/04÷15/04/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 09/04÷15/04/2025 dao động trong khoảng 0,00÷22,17‰; độ mặn được dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 29/03/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 09/04÷15/04/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,05	0,00	0,04	0,02	0,02	0,06	0,00	0,00	0,06
	LX2	0,05	0,06	0,05	0,06	0,09	0,02	0,02	0,02	0,09
	LX13	0,05	0,02	0,08	0,05	0,03	0,05	0,04	0,02	0,08
	LX14	0,03	0,06	0,04	0,03	0,02	0,08	0,06	0,02	0,08
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,08	0,06	0,09	0,08	0,09	0,00	0,04	0,00	0,09
	LX4	0,09	0,07	0,08	0,05	0,09	0,03	0,06	0,03	0,09
	LX5	0,00	0,06	0,02	0,09	0,03	0,07	0,09	0,00	0,09
	LX6	0,09	0,05	0,05	0,02	0,02	0,00	0,10	0,00	0,10
	LX11	0,09	0,03	0,02	0,02	0,01	0,02	0,05	0,01	0,09
	LX12	0,06	0,08	0,03	0,01	0,08	0,07	0,02	0,01	0,08
Phía ven biển Tây	LX7	0,09	0,06	0,04	0,03	0,08	0,03	0,08	0,03	0,09
	LX8	0,05	0,03	0,01	0,10	0,08	0,08	0,10	0,01	0,10
	LX9	0,02	0,07	0,01	0,05	0,04	0,05	0,01	0,01	0,07
	LX10	22,16	22,17	21,74	21,23	20,83	20,53	20,39	20,39	22,17
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					
Khuyến cáo		- Từ ngày 09/04÷15/04/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn được dự báo nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các vuông tôm.								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 5,39÷6,16 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng giảm nhẹ tại hầu hết các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 29/03/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 09/04÷15/04/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,39	5,42	5,47	5,51	5,50	5,46	5,46	5,39	5,51
	LX2	5,70	5,79	5,84	5,80	5,70	5,58	5,50	5,50	5,84
	LX13	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,98	5,97	5,97	5,98
	LX14	5,87	5,90	5,92	5,92	5,91	5,90	5,90	5,87	5,92
Khu vực	LX3	5,95	5,97	5,99	6,00	5,99	5,98	5,99	5,95	6,00

giữa nội đồng	LX4	5,50	5,54	5,53	5,50	5,49	5,51	5,57	5,49	5,57
	LX5	6,02	6,01	6,02	6,02	6,02	6,02	6,02	6,01	6,02
	LX6	6,09	6,08	6,06	6,05	6,05	6,04	6,03	6,03	6,09
	LX11	5,64	5,61	5,55	5,50	5,49	5,52	5,53	5,49	5,64
	LX12	5,68	5,75	5,80	5,82	5,83	5,84	5,86	5,68	5,86
Phía ven biển Tây	LX7	5,68	5,66	5,64	5,62	5,59	5,56	5,56	5,56	5,68
	LX8	5,48	5,46	5,43	5,41	5,47	5,57	5,59	5,41	5,59
	LX9	6,04	6,04	6,04	6,05	6,05	6,06	6,07	6,04	6,07
	LX10	6,16	6,14	6,12	6,11	6,12	6,15	6,16	6,11	6,16
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≥ 6			Đạt mức B: ≥ 5			Không đạt mức B: < 5		
Khuyến cáo		- Từ ngày 09/04÷15/04/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 7,65÷17,39 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng giảm tại một số điểm giám sát (thuộc các kênh Vĩnh Tre, Ba Thê, Tám Ngàn và Rạch Giá-Hà Tiên) so với giá trị thực đo ngày 29/03/2025 (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 09/04÷15/04/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	10,84	10,65	10,67	10,73	10,88	10,79	10,63	10,63	10,88
	LX2	8,97	8,85	8,32	7,92	7,88	8,05	8,30	7,88	8,97
	LX13	9,14	9,00	8,77	8,56	8,48	8,34	8,32	8,32	9,14
	LX14	17,39	16,00	14,72	13,69	12,92	12,30	11,92	11,92	17,39
Khu vực giữa nội đồng	LX3	14,55	14,33	14,06	13,92	13,64	13,30	13,17	13,17	14,55
	LX4	14,60	14,14	13,83	13,72	13,80	14,07	14,49	13,72	14,60
	LX5	9,40	9,68	9,81	9,75	9,53	9,38	9,39	9,38	9,81
	LX6	7,65	7,69	7,73	7,81	7,88	7,91	7,83	7,65	7,91
	LX11	12,98	12,74	12,43	12,05	11,60	11,37	11,75	11,37	12,98
	LX12	15,05	14,80	14,57	14,39	14,32	14,41	14,70	14,32	15,05
Phía ven biển Tây	LX7	11,43	11,09	10,59	10,14	9,72	9,33	8,96	8,96	11,43
	LX8	9,72	9,77	9,95	10,38	10,91	11,25	11,28	9,72	11,28
	LX9	11,10	11,03	11,00	10,96	10,91	10,87	10,83	10,83	11,10
	LX10	12,72	12,63	12,58	12,51	12,40	12,28	12,23	12,23	12,72
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		
Khuyến cáo		- Từ ngày 09/04÷15/04/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị tổng Nito dự báo dao động trong khoảng từ 0,33÷3,01 mg/l, giá trị tổng Nito dự báo có xu hướng giảm tại nhiều điểm giám sát (7/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 29/03/2025 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo tổng Nito tại các điểm giám sát từ 09/04÷15/04/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,95	0,92	0,93	1,06	1,09	1,05	1,05	0,92	1,09
	LX2	0,98	1,07	1,12	1,08	1,01	0,97	0,95	0,95	1,12
	LX13	0,53	0,52	0,51	0,51	0,51	0,52	0,55	0,51	0,55
	LX14	2,47	2,57	2,76	2,97	3,01	2,66	2,41	2,41	3,01
Khu vực giữa nội đồng	LX3	2,72	2,74	2,78	2,82	2,79	2,63	2,60	2,60	2,82
	LX4	2,63	2,48	2,49	2,54	2,33	2,43	2,71	2,33	2,71
	LX5	0,97	0,95	0,92	0,90	0,88	0,89	0,90	0,88	0,97
	LX6	0,43	0,41	0,38	0,36	0,34	0,33	0,33	0,33	0,43
	LX11	1,09	1,09	1,08	1,05	1,06	1,07	1,06	1,05	1,09
	LX12	2,67	2,71	2,73	2,74	2,76	2,71	2,60	2,60	2,76
Phía ven biển Tây	LX7	0,87	0,85	0,87	0,92	0,99	1,02	1,02	0,85	1,02
	LX8	0,52	0,51	0,49	0,46	0,45	0,44	0,45	0,44	0,52
	LX9	1,08	1,14	1,12	1,13	1,14	1,18	1,26	1,08	1,26
	LX10	1,91	1,82	1,92	2,21	2,45	2,34	2,21	1,82	2,45
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: >1,5		
Khuyến cáo		- Từ ngày 09/04÷15/04/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nito (TN) dự báo tại phần lớn các điểm giám sát (9/14 điểm) đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên người dân vẫn có thể yên tâm lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác. - Riêng các điểm LX3, LX4, LX10, LX12, LX14 cần lưu ý chỉ tiêu tổng Nito có giá trị dự báo vượt quá quy chuẩn cho phép của cột B trong nhiều ngày.								

Khuyến cáo chung:

Trong tuần từ 09/04÷15/04/2025, chất lượng nước trong hệ thống CTTL Tứ Giác Long Xuyên dự báo ở các thông số Độ mặn, DO và tổng Nito có xu hướng tốt ở hầu hết các điểm giám sát, các giá trị dự báo hầu hết nằm trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Thông số BOD₅ được dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B, cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao nên người dân vẫn cần theo dõi nguồn nước thường xuyên. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp cho nuôi tôm, bên cạnh đó vẫn tiếp tục có khả năng ô nhiễm dinh dưỡng chỉ tiêu tổng Nito, nên người dân cần lưu ý có biện pháp xử lý nguồn nước để nuôi trồng thủy sản.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN
Phạm Văn Tùng